

Số: 1194/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương năm 2018

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2566/QĐ-BTP ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực thi hành án dân sự, hành chính năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thống kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương năm 2018 như sau:

1. Ra quyết định thi hành án đúng thời hạn đối với 100% các bản án, quyết định về dân sự đã có hiệu lực theo đúng quy định của pháp luật.

2. Phân đấu nâng cao chất lượng, tỷ lệ thi hành án dân sự xong trên 72% về việc và trên 32% về tiền trên tổng số án có điều kiện thi hành tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này. Bảo đảm theo dõi việc thi hành đối với 100% bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về vụ án hành chính có nội dung theo dõi thi hành.

3. Giảm ít nhất 3% số việc, số tiền có điều kiện thi hành chuyển sang năm 2019 so với số chuyển kỳ sau của năm 2017 chuyển sang năm 2018 trên số có điều kiện thi hành tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 kèm theo Quyết định này.

4. Tập trung xác minh điều kiện thi hành án; phân loại chính xác, đúng pháp luật án dân sự có điều kiện thi hành và chưa có điều kiện thi hành; đăng tải

kip thời, đầy đủ, đúng quy định danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo quy định của pháp luật.

5. Thi hành án xong các khoản thu cho ngân sách nhà nước đạt tỷ lệ cao hơn năm 2017 về việc và về tiền trên tổng số có điều kiện thi hành. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; tập trung thi hành để nâng tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt đạt tỷ lệ cao nhất.

6. Nâng cao hiệu quả thi hành các bản án liên quan đến các khoản nợ của tổ chức tín dụng đã có hiệu lực pháp luật đạt tỷ lệ cao hơn năm 2017 về việc và về tiền trên tổng số có điều kiện thi hành.

7. Trả lời đảm bảo chất lượng, đúng trình tự, thủ tục ít nhất 95% số văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự cấp dưới.

8. Giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng thời hạn, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, giải quyết xong 97% số đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt công tác tiếp công dân; tích cực tham gia, phối hợp giải quyết cơ bản những vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài.

9. Cơ bản khắc phục tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự, nhất là các vi phạm trong kê biên, bán đấu giá tài sản thi hành án; giảm tối đa các vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường nhà nước, bảo đảm tài chính và các vụ việc bán đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản.

10. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành hiệu quả các văn bản pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật Đấu giá tài sản, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 06/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác thi hành án dân sự và các văn bản khác có liên quan đến công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính.

11. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thi hành án, coi đây là giải pháp đột phá thay đổi lề lối làm việc, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, nêu cao tinh thần phục vụ người dân và doanh nghiệp; tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức thi hành án dân sự.

12. Phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất với Tổng cục Thi hành án dân sự để trình Lãnh đạo Bộ Tư pháp tập trung đầu tư xây dựng cho các cơ quan thi hành án dân sự chưa có trụ sở hoặc đã xuống cấp; xây dựng, bảo đảm kho vật chứng, trang thiết bị, phương tiện làm việc, công cụ hỗ trợ và các phương tiện cần thiết khác đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác thi hành án dân sự.

Điều 2. Phương pháp giao thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ

1. Trên cơ sở chỉ tiêu, nhiệm vụ do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự giao, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho

Chi cục Thi hành án dân sự, Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự đảm bảo chính xác, công bằng và khả thi (có thể bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Tổng cục Thi hành án dân sự giao đối với Cục Thi hành án dân sự); có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chi cục Thi hành án dân sự và Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự.

2. Trên cơ sở chỉ tiêu, nhiệm vụ do Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự giao, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho Chấp hành viên thuộc Chi cục đảm bảo chính xác, công bằng và khả thi (có thể bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Cục Thi hành án dân sự giao đối với Chi cục Thi hành án dân sự); có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện chỉ tiêu và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Trung tâm Thống kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Tổng cục có trách nhiệm giúp Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự năm 2018 và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc và Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chấp hành viên do Chi cục quản lý.

4. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là cơ sở để chi thu nhập tăng thêm theo quy định hiện hành và xét đề nghị xếp hạng, bình xét thi đua khen thưởng năm 2018 đối với các cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên.

Điều 4. Giải pháp thực hiện

1. Về thể chế

Tiếp tục tham mưu, đề xuất hướng dẫn những vướng mắc của Luật Thi hành án dân sự, Luật Phá sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tiếp tục quán triệt và chỉ đạo triển khai có hiệu quả Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính.

2. Về chỉ đạo, điều hành và phối hợp liên ngành

2.1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ tại đơn vị.

2.2. Có biện pháp chỉ đạo quyết liệt việc thi hành án dân sự ngay từ đầu năm công tác 2018; định kỳ quý, năm đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu thi hành án xong về việc và về tiền năm 2018 để tổ chức thi hành và chỉ đạo thi hành án phân đầu tỷ lệ thi hành xong năm 2018 cao hơn năm 2017.

2.3. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, tiếp tục hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ theo hướng sâu sát, cụ thể và xác định rõ trách nhiệm, thời gian hoàn thành; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra; phối hợp thanh tra, kiểm sát, giám sát công tác thi hành án dân sự; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về trình tự, thủ tục hoặc đăng tải thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Cổng, Trang Thông tin điện tử Thi hành án dân sự.

2.4. Giám sát chặt chẽ việc thẩm định, đấu giá tài sản kê biên theo thẩm quyền. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự chỉ đạo lựa chọn danh sách những tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản có năng lực, uy tín tham gia quá trình xử lý tài sản kê biên. Đối với các vụ việc đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản, hàng quý các Cục Thi hành án dân sự phải báo cáo Tổng cục Thi hành án dân sự về nguyên nhân, thời gian kéo dài và biện pháp, kế hoạch xử lý dứt điểm vụ việc.

2.5. Các Cục, Chi cục Thi hành án dân sự phải ban hành Kế hoạch tự kiểm tra, kiểm tra hàng năm bảo đảm mỗi năm 100% Cục, Chi cục thực hiện việc tự kiểm tra; Cục Thi hành án dân sự kiểm tra toàn diện tối thiểu 2/3 số đơn vị trên địa bàn, tăng cường kiểm tra đột xuất công tác thụ lý, xác minh và phân loại án đối với các Chi cục và Chấp hành viên.

2.6. Thực hiện nghiêm túc chế độ Thủ trưởng cơ quan đơn vị trực tiếp tiếp công dân định kỳ; chú trọng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thông qua công tác tiếp công dân.

Cục, Chi cục Thi hành án dân sự phải tập trung giải quyết các khiếu nại, tố cáo với tinh thần trách nhiệm cao, đúng pháp luật, tăng cường đối thoại trực tiếp, hướng dẫn, giải thích cho công dân thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, hạn chế phát sinh những vụ khiếu nại, tố cáo vượt cấp, phức tạp, kéo dài. Chủ động, tích cực đề xuất tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương, Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các việc thi hành án dân sự trọng điểm, phức tạp, kéo dài trên địa bàn.

2.7. Tiếp tục phát huy công tác phối hợp liên ngành; tranh thủ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự các cấp và sự phối hợp của các ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án và các cơ quan liên quan khác trong tổ chức thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự trên địa bàn.

2.8. Kịp thời đề xuất Cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo việc quán triệt, triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng tại các cơ quan thi

hành án dân sự cũng như trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn; công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở Đảng tại các cơ quan thi hành án dân sự; kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và các công chức Đảng viên tại các cơ quan thi hành án dân sự và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các cơ quan thi hành án dân sự.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức thi hành án dân sự

Chủ động phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ đơn vị thực hiện tốt công tác quản lý, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, kỷ luật công chức thi hành án dân sự. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm, bản lĩnh nghề nghiệp.

Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc trong toàn Hệ thống Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường, xây dựng chính đồn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ và Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 08/02/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Chỉ thị 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/9/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Hệ thống, tiếp tục duy trì, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng, Trang Thông tin điện tử Thi hành án dân sự. Thực hiện nề nếp, hiệu quả cơ chế một cửa; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ trực tuyến thi hành án, tiến tới cung cấp dịch vụ trực tuyến mức độ 3 đối với một số thủ tục hành chính từ năm 2018.

Nghiên cứu xây dựng, phát triển các phần mềm, chương trình ứng dụng, trong đó quan tâm tổ chức tập huấn, ban hành thể chế, bảo đảm đầy đủ các điều kiện kỹ thuật để vận hành hiệu quả Phần mềm quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và báo cáo thống kê thi hành án dân sự trên toàn quốc trong năm 2018. Tiếp tục phát triển hệ thống truyền hình trực tuyến đa phương tiện đến 63 địa phương, phấn đấu trong năm 2018 có thể tổ chức giao ban, hội nghị trực tuyến đến cấp Chi cục trên toàn quốc. Thực hiện nghiêm chế độ sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số. Tăng cường hình thức giao ban trực tuyến, sử dụng tin nhắn SMS, bảo đảm kịp thời, sâu sát, quyết liệt, toàn diện trong công tác chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ, chỉ tiêu về thi hành án dân sự.

5. Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành quy định của pháp luật trong quản lý tài chính, tài sản, kế toán và đầu tư xây dựng cơ bản. Tập trung kiểm tra công tác thu chi thi hành án và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm trong hoạt động này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Giám đốc Trung tâm Thống kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Bộ (để phối hợp);
- Cục KHTC - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Vụ TCCB - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Thanh tra Bộ (để phối hợp);
- Vụ Thi đua - Khen thưởng (để phối hợp);
- Cục Công tác phía Nam (để phối hợp);
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng (để phối hợp);
- Cổng Thông tin điện tử Thi hành án dân sự (để đăng tải);
- Lưu: VT, TT.

Q. TỔNG CỤC TRƯỞNG



Mai Lương Khôi

Phụ lục 1**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ VIỆC NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-TCTHADS ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
1	An Giang	72%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	72%
3	Bắc Giang	72,5%
4	Bắc Kạn	73,5%
5	Bạc Liêu	72%
6	Bắc Ninh	72,5%
7	Bến Tre	72%
8	Bình Định	73%
9	Bình Dương	72%
10	Bình Phước	72%
11	Bình Thuận	72%
12	Cà Mau	72%
13	Cần Thơ	72%
14	Cao Bằng	73,5%
15	Đà Nẵng	72%
16	Đắk Lắk	72%
17	Đắk Nông	72,5%
18	Điện Biên	73%
19	Đồng Nai	72%
20	Đồng Tháp	72%
21	Gia Lai	72,5%
22	Hà Giang	73,5%
23	Hà Nam	73,5%
24	Hà Nội	72,0%
25	Hà Tĩnh	73,5%
26	Hải Dương	72,5%
27	Hải Phòng	72%
28	Hậu Giang	72,5%
29	Hồ Chí Minh	72%
30	Hoà Bình	73,5%
31	Hưng Yên	73,5%
32	Khánh Hoà	72%
33	Kiên Giang	72%

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
34	Kon Tum	73,5%
35	Lai Châu	73,5%
36	Lâm Đồng	72%
37	Lạng Sơn	73,5%
38	Lào Cai	73,5%
39	Long An	72%
40	Nam Định	73%
41	Nghệ An	72,5%
42	Ninh Bình	72,5%
43	Ninh Thuận	72,5%
44	Phú Thọ	72,5%
45	Phú Yên	72,5%
46	Quảng Bình	73,5%
47	Quảng Nam	73%
48	Quảng Ngãi	73%
49	Quảng Ninh	73%
50	Quảng Trị	73,5%
51	Sóc Trăng	72%
52	Sơn La	72,0%
53	Tây Ninh	72%
54	Thái Bình	72,5%
55	Thái Nguyên	72%
56	Thanh Hoá	73,5%
57	Thừa Thiên - Huế	73,5%
58	Tiền Giang	72%
59	Trà Vinh	72%
60	Tuyên Quang	73%
61	Vĩnh Long	72%
62	Vĩnh Phúc	72%
63	Yên Bái	73,5%

Q. TỔNG CỤC TRƯỞNG



Mai Lương Khôi

Phụ lục 2**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ TIỀN NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-TCTHADS ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
1	An Giang	32%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	32%
3	Bắc Giang	32%
4	Bắc Kạn	33,5%
5	Bạc Liêu	32,5%
6	Bắc Ninh	32%
7	Bến Tre	32%
8	Bình Định	32%
9	Bình Dương	32%
10	Bình Phước	32%
11	Bình Thuận	32%
12	Cà Mau	32%
13	Cần Thơ	32%
14	Cao Bằng	33,5%
15	Đà Nẵng	32%
16	Đắk Lắk	32%
17	Đắk Nông	32%
18	Điện Biên	33%
19	Đồng Nai	32%
20	Đồng Tháp	32%
21	Gia Lai	32,5%
22	Hà Giang	33,5%
23	Hà Nam	33%
24	Hà Nội	32%
25	Hà Tĩnh	33%
26	Hải Dương	32,5%
27	Hải Phòng	32%
28	Hậu Giang	32,5%
29	Hồ Chí Minh	32%
30	Hoà Bình	33%
31	Hưng Yên	32,5%
32	Khánh Hoà	32%
33	Kiên Giang	32%

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
34	Kon Tum	32%
35	Lai Châu	33,5%
36	Lâm Đồng	32%
37	Lạng Sơn	33,5%
38	Lào Cai	33,5%
39	Long An	32%
40	Nam Định	32,5%
41	Nghệ An	33%
42	Ninh Bình	32%
43	Ninh Thuận	32,5%
44	Phú Thọ	33%
45	Phú Yên	32%
46	Quảng Bình	32,5%
47	Quảng Nam	32%
48	Quảng Ngãi	32%
49	Quảng Ninh	32%
50	Quảng Trị	33%
51	Sóc Trăng	32%
52	Sơn La	32,0%
53	Tây Ninh	32%
54	Thái Bình	32%
55	Thái Nguyên	32,5%
56	Thanh Hóa	32,5%
57	Thừa Thiên - Huế	32%
58	Tiền Giang	32%
59	Trà Vinh	32%
60	Tuyên Quang	33,5%
61	Vĩnh Long	32%
62	Vĩnh Phúc	32,5%
63	Yên Bái	33,5%



Mai Lương Khôi

Phụ lục 3**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU GIẢM SỐ VIỆC CÓ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN KỲ SAU
NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-TCTHADS ngày 18 tháng 12 năm 2017
của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ giảm số chuyển kỳ sau về việc/có điều kiện thi hành
1	An Giang	3,0%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	3,0%
3	Bắc Giang	3,5%
4	Bắc Kạn	4,5%
5	Bạc Liêu	3,0%
6	Bắc Ninh	3,5%
7	Bến Tre	3,0%
8	Bình Định	4,0%
9	Bình Dương	3,0%
10	Bình Phước	3,0%
11	Bình Thuận	3,0%
12	Cà Mau	3,0%
13	Cần Thơ	3,0%
14	Cao Bằng	4,5%
15	Đà Nẵng	3,0%
16	Đắk Lắk	3,0%
17	Đắk Nông	3,5%
18	Điện Biên	4,0%
19	Đồng Nai	3,0%
20	Đồng Tháp	3,0%
21	Gia Lai	3,5%
22	Hà Giang	4,5%
23	Hà Nam	4,5%
24	Hà Nội	3,0%
25	Hà Tĩnh	4,5%
26	Hải Dương	3,5%
27	Hải Phòng	3,0%
28	Hậu Giang	3,5%
29	Hồ Chí Minh	3,0%
30	Hoà Bình	4,5%
31	Hưng Yên	4,5%
32	Khánh Hoà	3,0%

TT	Đơn vị	Tỷ lệ giảm số chuyển kỳ sau về việc/có điều kiện thi hành
33	Kiên Giang	3,0%
34	Kon Tum	4,5%
35	Lai Châu	4,5%
36	Lâm Đồng	3,0%
37	Lạng Sơn	4,5%
38	Lào Cai	4,5%
39	Long An	3,0%
40	Nam Định	4,0%
41	Nghệ An	3,5%
42	Ninh Bình	3,5%
43	Ninh Thuận	3,5%
44	Phú Thọ	3,5%
45	Phú Yên	3,5%
46	Quảng Bình	4,5%
47	Quảng Nam	4,0%
48	Quảng Ngãi	4,0%
49	Quảng Ninh	4,0%
50	Quảng Trị	4,5%
51	Sóc Trăng	3,0%
52	Sơn La	3,0%
53	Tây Ninh	3,0%
54	Thái Bình	3,5%
55	Thái Nguyên	3,0%
56	Thanh Hoá	4,5%
57	Thừa Thiên - Huế	4,5%
58	Tiền Giang	3,0%
59	Trà Vinh	3,0%
60	Tuyên Quang	4,0%
61	Vĩnh Long	3,0%
62	Vĩnh Phúc	3,0%
63	Yên Bái	4,5%

Q. TỔNG CỤC TRƯỞNG



Mai Lương Khôi

Phụ lục 4

**BẢNG GIAO CHỈ TIÊU GIẢM SỐ TIỀN CÓ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN KỲ SAU
NĂM 2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-TCTHADS ngày 18 tháng 12 năm 2017
của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)*

TT	Đơn vị	Tỷ lệ giảm số chuyển kỳ sau về tiền/số có điều kiện thi hành
1	An Giang	3,0%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	3,0%
3	Bắc Giang	3,0%
4	Bắc Kạn	4,5%
5	Bạc Liêu	3,5%
6	Bắc Ninh	3,0%
7	Bến Tre	3,0%
8	Bình Định	3,0%
9	Bình Dương	3,0%
10	Bình Phước	3,0%
11	Bình Thuận	3,0%
12	Cà Mau	3,0%
13	Cần Thơ	3,0%
14	Cao Bằng	4,5%
15	Đà Nẵng	3,0%
16	Đắk Nông	3,0%
17	Đắk Lắk	3,0%
18	Điện Biên	4,0%
19	Đồng Nai	3,0%
20	Đồng Tháp	3,0%
21	Gia Lai	3,5%
22	Hà Giang	4,5%
23	Hà Nam	4,0%
24	Hà Nội	3,0%
25	Hà Tĩnh	4,0%
26	Hải Dương	3,5%
27	Hải Phòng	3,0%
28	Hậu Giang	3,5%
29	Hồ Chí Minh	3,0%
30	Hoà Bình	4,0%
31	Hưng Yên	3,5%
32	Khánh Hoà	3,0%

TT	Đơn vị	Tỷ lệ giảm số chuyển kỳ sau về tiền/số có điều kiện thi hành
33	Kiên Giang	3,0%
34	Kon Tum	3,0%
35	Lai Châu	4,5%
36	Lâm Đồng	3,0%
37	Lạng Sơn	4,5%
38	Lào Cai	4,5%
39	Long An	3,0%
40	Nam Định	3,5%
41	Nghệ An	4,0%
42	Ninh Bình	3,0%
43	Ninh Thuận	3,5%
44	Phú Thọ	4,0%
45	Phú Yên	3,0%
46	Quảng Bình	3,5%
47	Quảng Nam	3,0%
48	Quảng Ngãi	3,0%
49	Quảng Ninh	3,0%
50	Quảng Trị	4,0%
51	Sóc Trăng	3,0%
52	Sơn La	3,0%
53	Tây Ninh	3,0%
54	Thái Bình	3,0%
55	Thái Nguyên	3,5%
56	Thanh Hóa	3,5%
57	Thừa Thiên - Huế	3,0%
58	Tiền Giang	3,0%
59	Trà Vinh	3,0%
60	Tuyên Quang	4,5%
61	Vĩnh Long	3,0%
62	Vĩnh Phúc	3,5%
63	Yên Bái	4,5%



Mai Lương Khôi